

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện các kiến nghị của KTNN khu vực VII

(kiểm toán NSNN niên độ 2018, chuyên đề y tế giai đoạn 2016-2018 và chuyên đề quản lý, sử dụng nguồn thu sử dụng đất giai đoạn 2014-2018)

Thực hiện văn bản số 523/KTNN-TH ngày 06/11/2019 và Thông báo số 524/TB-KTNN ngày 06/11/2019 của Kiểm toán nhà nước, về việc gửi Báo cáo kiểm toán và Thông báo kết quả kiểm toán ngân sách địa phương năm 2018. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang đã ban hành văn bản số 3902/UBND-KTTH ngày 29/11/2019 về triển khai thực hiện kết luận, kiến nghị của KTNN. Căn cứ vào báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước khu vực VII năm 2019 của các đơn vị. Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang báo cáo như sau:

A. KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

I. Kiến nghị kiểm toán NSNN niên độ 2018

1. Tăng thu ngân sách, giảm nộp thừa NSNN về thuế, phí và giảm thuế GTGT được khấu trừ năm 2018

- Tổng số kiến nghị: 40.614.110.935 đồng (trong đó: tăng thu ngân sách 38.880.831.288 đồng; giảm nộp thừa về thuế, giảm thuế GTGT được khấu trừ: 733.279.657 đồng).

- Số đã thực hiện: 529.339.062 đồng = 1,3% kiến nghị của KTNN.

- Số chưa thực hiện: 40.084.771.873 đồng, gồm:

+ Công ty Cổ phần cơ khí và KTKS: 38.900.477.265 đồng, do không có biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa tổ kiểm toán với Công ty (Cục Thuế tỉnh đã gửi văn bản xin ý kiến Tổng Cục thuế về nội dung này).

+ Kiến nghị đối với doanh nghiệp do Chi cục Thuế các huyện quản lý: 910.292.615 đồng.

+ Kiến nghị đối với các đơn vị sự nghiệp và dự toán: 274.001.993 đồng.

2. Thu hồi và giảm chi ngân sách nhà nước

- Tổng số kiến nghị 27.276.892.568 đồng.

- Số đã thực hiện: 26.545.523.939 đồng = 97,3% số kiến nghị.

- Số chưa thực hiện: 731.368.629 đồng, kinh phí hết nhiệm vụ chi của huyện Xín Mần chưa nộp trả ngân sách theo kiến nghị của kiểm toán.

3. Thu hồi nộp ngân sách các khoản chi sai quy định các dự án đầu tư

- Tổng số kiến nghị: 2.808.295.609 đồng.

- Số đã thực hiện: 1.520.520.334 đồng = 54,1% số kiến nghị.

- Số chưa thực hiện: 1.287.776.170 đồng, các chủ đầu tư đã đôn đốc nhà thầu thực hiện nhưng nhà thầu chưa nộp trả ngân sách, gồm:

+ 04 công trình do huyện Bắc Quang làm chủ đầu tư: 411.867.429 đồng.

+ 01 công trình do huyện Đồng Văn làm chủ đầu tư: 49.949.219 đồng.

- + 02 công trình do huyện Xín Mần làm chủ đầu tư: 580.609.925 đồng.
- + 01 công trình do huyện Quang Bình làm chủ đầu tư: 627.185 đồng.
- + 03 công trình do Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng dân dụng và công nghiệp làm chủ đầu tư: 244.722.412 đồng.

4. Giảm thanh toán các dự án đầu tư

- Tổng số kiến nghị: 13.963.487.425 đồng.
- Số đã thực hiện: 8.402.728.818 đồng = 60,2% số kiến nghị.
- Số chưa thực hiện: 5.560.758.607 đồng, gồm:
 - + 05 dự án do huyện Bắc Quang làm chủ đầu tư: 864.078.933 đồng do đang lập hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh giá trị quyết toán theo kiến nghị của KTNN.

+ 02 công trình do huyện Xín Mần làm chủ đầu tư: 2.805.221.027 đồng do đang lập hồ sơ quyết toán và điều chỉnh phụ lục HĐ theo kiến nghị của KTNN.

+ 04 công trình do BQL DA ĐTXD dân dụng và công nghiệp làm chủ đầu tư: 1.891.458.647 đồng do đang thực hiện điều chỉnh phụ lục hợp đồng theo kiến nghị của KTNN.

5. Điều chỉnh giảm dự toán, giá trị hợp đồng các dự án đầu tư

- Tổng số kiến nghị 8.680.271.813 đồng;
- Số đã thực hiện: 1.584.927.217 đồng = 18,3% kiến nghị.
- Số chưa thực hiện: 7.095.347.596 đồng, do các chủ đầu tư đang thực hiện điều chỉnh phụ lục hợp đồng theo kiến nghị của KTNN, gồm:
 - + 01 công trình do huyện Bắc Quang làm chủ đầu tư: 891.760.375 đồng.
 - + 04 công trình do BQL DA ĐTXD dân dụng và công nghiệp làm chủ đầu tư: 6.203.587.221 đồng.

6. Kiến nghị tài chính khác

- Tổng số kiến nghị khác là 1.976.401.449 đồng;
- Số đã thực hiện: 1.946.843.857 đồng = 98,5% kiến nghị.
- Số chưa thực hiện: 29.557.592 đồng (*kiến nghị điều chỉnh giảm giá trị quyết toán phần xây lắp đối với công trình Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi phai Na Vàng, phai Châm thôn Dung, phai Nà Thìa thôn Ca xã Vô Điểm, huyện Bắc Quang*) do chủ đầu tư đang đối chiếu thanh toán với cơ quan KBNN để lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh giá trị quyết toán.

7. Kiến nghị chấn chỉnh công tác QLNS, tiền và tài sản nhà nước

Thực hiện kiến nghị của KTNN khu vực VII, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 244/CT-UBND ngày 19/02/2020 về việc tăng cường chấp hành pháp luật về tài chính, NSNN trên địa bàn tỉnh, trong đó yêu cầu các sở, ngành, đơn vị, UBND các huyện và thành phố thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, ngân sách nhà nước và quản lý, sử dụng tài sản công, tăng cường công tác quản lý thu, chi NSNN, sử dụng nguồn dự phòng, tăng thu ngân sách; quyết toán ngân sách, quyết toán dự án hoàn thành; thực hiện kết luận, kiến nghị của cơ quan thanh tra, kiểm toán...

7.1. Đối với Cục Thuế tỉnh

- Thực hiện kiến nghị của KTNN, Cục Thuế tỉnh đã ban hành văn bản yêu cầu các Chi cục Thuế, phòng Thanh tra kiểm tra thuế, chấn chỉnh và rút kinh nghiệm ngay đối với công chức trực tiếp quản lý không hướng dẫn doanh nghiệp xác định ưu đãi thuế, làm giảm thu NSNN.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyên truyền hướng dẫn, hỗ trợ chính sách pháp luật thuế để người nộp thuế hiểu rõ trách nhiệm, quyền lợi được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, từ đó thực hiện tự tính, tự kê khai thuế theo đúng quy định của Luật thuế TNDN hiện hành.

- Tiến hành kiểm tra, rà soát, xác định số tiền phí nước thải sinh hoạt phải nộp trên địa bàn theo đúng quy định tại Nghị định số 154/2016/NĐ-CP và văn bản pháp luật có liên quan. Thực hiện theo dõi nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tiền sử dụng đất vào báo cáo nợ thuế trên ứng dụng Quản lý thuế tập trung (TMS).

- Xác định công nợ phải trả, xác định tiền xử phạt vi phạm hành chính về thuế của các đơn vị, lập biên bản phạt vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt với các đơn vị vi phạm về thuế.

- Phối hợp với Sở Tài nguyên Môi trường đối chiếu các hồ sơ xác định tiền thuê đất phải nộp đối với các tổ chức kinh tế trên địa bàn tỉnh để thông báo nộp NSNN theo quy định.

7.2. Đối với Sở Tài chính

- Khi tham mưu lập, phân bổ, giao dự toán NSDP các năm 2019, 2020, Sở Tài chính đã trình UBND tỉnh giao dự toán 10% tiết kiệm chi thường xuyên để tạo nguồn thực hiện CCTL cho các đơn vị theo quy định của Luật NSNN và văn bản hướng dẫn của TW tại Quyết định số 2699/QĐ-UBND ngày 07/12/2018 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2019; Quyết định số 2528/QĐ-UBND ngày 11/12/2019 về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2020.

- Đã ban hành các văn bản hướng dẫn các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị lập dự toán đúng thời gian, nội dung mẫu biểu theo quy định của Luật NSNN và văn bản hướng dẫn thực hiện Luật tại văn bản số 1225/STC-QLNS ngày 18/6/2018 về việc xây dựng dự toán NSNN năm 2019 và kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2019-2021; văn bản số 1282/STC-QLNS ngày 03/7/2019 về việc xây dựng dự toán NSNN năm 2020 và kế hoạch tài chính NSNN 03 năm 2020-2022, kế hoạch tài chính 05 năm 2021-2025.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan trình UBND báo cáo HĐND tỉnh điều chỉnh dự toán theo đúng thời gian quy định của Luật NSNN và chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; phân bổ kinh phí sự nghiệp giáo dục và đào tạo đúng tính chất nguồn kinh phí; hướng dẫn các huyện, thành phố chủ động xử lý bù hụt thu cân đối NS hàng năm đúng theo văn bản chỉ đạo điều hành của Thủ tướng Chính phủ.

- Qua công tác thanh tra, kiểm tra, Sở Tài chính đã tăng cường công tác hướng dẫn các huyện trong việc thực hiện khóa sổ, quyết toán ngân sách. Căn cứ hướng dẫn của TW hàng năm đã kịp thời ban hành các văn bản hướng dẫn công tác khóa sổ và chi chuyển nguồn ngân sách (văn bản số 2655/STC-QLNS ngày

18/12/2018 hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách năm 2018 sang năm 2019; văn bản số 2483/STC-QLNS ngày 24/12/2019 hướng dẫn xử lý chuyển nguồn ngân sách năm 2019 sang năm 2020).

- Để có biện pháp quyết liệt, hiệu quả xử lý các chủ đầu tư vi phạm công tác quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành, Sở Tài chính đã có văn bản số 357/STC-ĐT ngày 02/3/2020 tham mưu với UBND tỉnh về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chậm lập hồ sơ quyết toán dự án hoàn thành (UBND tỉnh đã có văn bản số 713/UBND-KTTH ngày 17/3/2020 chỉ đạo về nội dung này).

7.3. Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Công tác giám sát, đánh giá đầu tư:

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã kiểm tra, rà soát xác định rõ các chủ đầu tư chưa thực hiện đầy đủ quy định đối với công tác giám sát, đánh giá đầu tư theo quy định, tham mưu cho UBND tỉnh xử lý 02 đơn vị chưa thực hiện theo đúng quy định tại Điều 71 nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ. Đến nay 100% các chủ đầu tư đã có báo cáo đầy đủ.

b) Công tác lập kế hoạch đầu tư công:

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm, tổng hợp đầy đủ nhu cầu kế hoạch vốn nguồn trái phiếu Chính phủ, tỉnh Hà Giang đã đăng ký danh mục dự án và mức vốn đầu tư công sử dụng vốn TPCP, cụ thể:

- Dự án giao thông và Chương trình kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học: đã đăng ký tại văn bản số 4332/UBND-KT ngày 29/11/2016, theo văn bản số 9736/BKHĐT-TH ngày 21/11/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc rà soát danh mục dự án, dự kiến vốn và hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2016-2020 và đã được TW giao tại Quyết định số 1178/QĐ-BKHĐT ngày 29/8/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc giao chi tiết kế hoạch đầu tư trung hạn vốn NSNN (bao gồm vốn TPCP) giai đoạn 2016-2020 (lần 2).

- Tỉnh Hà Giang đã thực hiện nghiêm túc theo đúng danh mục và mức vốn của từng dự án theo đúng quyết định của Trung ương. Các dự án này không thực hiện ứng trước, do đó không có cơ sở để xây dựng phương án hoàn trả vốn ứng trước năm sau vốn trái phiếu chính phủ (*Các dự án được đầu tư từ nguồn vốn TPCP do Ủy ban TVQH quyết định các dự án đã được giao chi tiết trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2017-2020 chỉ được điều chuyển vốn thuộc ngành lĩnh vực đầu tư không điều chỉnh cho các dự án khác ngoài danh mục đã được Thủ tướng Chính phủ giao KH trung hạn*). Việc thanh toán vốn được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách, Luật Đầu tư công

c) Công tác rà soát, xác định phân loại nợ đọng XDCB:

Sở Kế hoạch và Đầu tư đã rà soát, xác định phân loại số nợ đọng để có biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật. Tổng số nợ còn lại là 688 tỷ đồng, giảm 3.674,4 tỷ đồng, Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu phương án xử lý như sau:

- Đối với các nguồn vốn thuộc các Chương trình mục tiêu NSTW 393,2 tỷ đồng: Tiếp tục chuyển sang thanh toán giai đoạn 2021-2025 theo chỉ thị số 20/CT-

TTg ngày 29/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025;

- Đối với nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương 73,97 tỷ đồng: tiếp tục lồng ghép các nguồn vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn phân cấp cho cấp huyện, thành phố để thanh toán dứt điểm nợ đọng XDCB;

- Đối với các DA đã được đầu tư từ nguồn vốn TPCP: 170,4 tỷ đồng: dự kiến bố trí lồng ghép trong kế hoạch năm 2020 từ các nguồn vốn cân đối NSDP, chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững;

- Đối với các dự án đã được đầu tư từ nguồn vốn thuộc CTMTQG: 50,5 tỷ đồng: Dự kiến bố trí trong kế hoạch năm 2020 từ CTMTQG giảm nghèo phân cấp cho các huyện, thành phố để xử lý dứt điểm nợ đọng XDCB.

d) Rà soát xác định khả năng giải ngân thanh toán vốn TPCP:

Tỉnh Hà Giang đã có Tờ trình số 119/TTr-UBND ngày 27/12/2019 và Báo cáo số 41/BC-UBND ngày 11/02/2020 gửi Bộ kế hoạch và Đầu tư, Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị báo cáo Thủ tướng chính phủ cho phép tỉnh Hà Giang được kéo dài thời gian thanh toán kế hoạch vốn trái phiếu Chính phủ giao từ nguồn dự phòng giai đoạn 2012-2015 (13,979 tỷ đồng) đến ngày 30/6/2020 và điều chỉnh (39,839 tỷ đồng) vốn trái phiếu Chính phủ giao kế hoạch trung hạn giai đoạn 2016-2020 sang các dự án mới thuộc đề án kiên cố hóa trường lớp học mầm non và tiểu học đảm bảo phát huy hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ NSNN.

Đối với dự án thuộc lĩnh vực giao thông: Dự án Đường giao thông liên kết các vùng phát triển kinh tế - xã hội phía đông tỉnh Hà Giang, giáp danh tỉnh Cao Bằng. Vốn trái phiếu Chính phủ kéo dài thời gian thanh toán kế hoạch năm 2018 (406,5 tỷ đồng) sang năm 2019 theo quy định của Luật ngân sách đến 31/12/2019 đã giải ngân 100% kế hoạch vốn.

e) Công tác cấp giấy CNĐKĐT

Đảng ủy Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Thông báo Kết luận số 06-KL/ĐU, kết luận phiên họp tháng 01/2020, yêu cầu phòng Doanh nghiệp Kinh tế tập thể và tư nhân nâng cao chất lượng thẩm định hồ sơ dự án, nghiêm túc rút kinh nghiệm trong công tác cấp Giấy chứng nhận ĐKĐT đảm bảo đúng thời gian quy định của pháp luật; nghiên cứu, đổi mới phương pháp thẩm định đảm bảo khoa học, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính. Đến nay công tác thẩm định và cấp giấy CNĐKĐT đã có đổi mới và thực hiện đúng quy định.

7.4. Chấn chỉnh việc tham mưu dự án “Xây dựng khu xử lý chất thải rắn thành phố Hà Giang”

Sở Xây dựng đã nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân tham mưu nội dung thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng khu xử lý chất thải rắn thành phố Hà Giang. HM: San ủi mặt bằng”, do đã không đánh giá về sự phù hợp với quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực của dự án.

Theo báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư: Dự án được lập và thẩm định theo chủ trương của Tỉnh ủy Hà Giang tại văn bản số 88-CV/TU ngày 29/10/2015 và UBND tỉnh tại văn bản 4197/UBND-KT ngày 12/12/2014. Dự án đã được HĐND

tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 30/10/2015 là San ủi mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư. Vì vậy, quá trình lập và thẩm định, phê duyệt dự án chưa cần xét đến quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Hà Giang đến năm 2025.

Năm 2017 thực hiện chủ trương vận động thu hút nguồn vốn tín dụng doanh nghiệp Đan Mạch (DANIDA) cho dự án đầu tư xây dựng khu xử lý và chôn lấp chất thải rắn thành phố Hà Giang, tỉnh đã đề xuất xây dựng *dự án chất thải rắn thành phố Hà Giang* (dự kiến đặt tại khu vực đã san ủi mặt bằng nói trên). UBND tỉnh đã báo cáo và BTV Tỉnh ủy đã có Kết luận số 167-KL/TU ngày 01/9/2017 và thống nhất tên gọi vị trí san ủi là “*Quỹ đất thu hút đầu tư tỉnh Hà Giang*”. Trên cơ sở đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ngành và UBND thành phố Hà Giang đề xuất UBND tỉnh về chuyển đổi diện tích đất đã san ủi để quy hoạch cụm công nghiệp Phương Độ. Hiện tập đoàn TH và FLC đã đến khảo sát và đăng ký đầu tư thực hiện dự án tại khu vực trên. Như vậy, việc san ủi mặt bằng, tạo quỹ đất sạch để thu hút đầu tư là phù hợp với mục tiêu của dự án và chủ trương của tỉnh, không làm ảnh hưởng đến việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư. UBND tỉnh Hà Giang sẽ thu hồi số kinh phí đầu tư san ủi, GPMB khi tập đoàn TH, FLC và các nhà đầu tư khác đến thực hiện các dự án đầu tư tại *Quỹ đất thu hút đầu tư tỉnh Hà Giang*. Sở Kế hoạch và Đầu tư nghiêm túc tiếp thu và rút kinh nghiệm trong việc lựa chọn tên dự án chưa phù hợp với nội dung, quy mô đầu tư dự án.

7.5. Chấn chỉnh về công tác quản lý đối với Sở Tài nguyên và Môi trường, các BQL dự án đầu tư xây dựng các huyện, thành phố: Do đơn vị chưa báo cáo kết quả thực hiện kiến nghị, kết luận của KTNN gửi Sở Tài chính theo chỉ đạo của UBND tỉnh, nên Sở Tài chính không có cơ sở tổng hợp.

II. Kiến nghị kiểm toán chuyên đề y tế giai đoạn 2016-2020

1. Kiến nghị xử lý tài chính

- Tổng số kiến nghị xử lý tài chính 7.304.459.500 đồng.
- Số đã thực hiện: 7.304.459.500 đồng = 100% kiến nghị.

2. Kiến nghị khác

2.1. Đối với nội dung quản lý và theo dõi, sử dụng thuốc:

- Sở Y tế đã họp các bộ phận liên quan, nghiêm túc chấn chỉnh, rút kinh nghiệm về những thiếu sót trong quản lý nhà nước về Dược, đã ban hành Quyết định số 968/QĐ-SYT ngày 04/11/2019 về Quy trình thực hiện báo cáo và điều tiết số lượng trúng thầu theo kết quả lựa chọn nhà thầu thuốc, vật tư y tế và hóa chất cho các cơ sở y tế công lập trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

- Bệnh viện đa khoa tỉnh Hà Giang đã tổ chức họp kiểm điểm khoa Dược do chưa thực hiện đúng các quy định Thông tư 22/2011/TT-BYT.

2.2. Đối với nội dung thanh toán các dịch vụ xét nghiệm viêm gan B, viêm gan C trước khi thực hiện các phẫu thuật, thủ thuật: Sở Y tế đã tham mưu cho UBND tỉnh báo cáo Bộ Y tế, Bảo hiểm xã hội Việt Nam tại Tờ trình số 33/TTr-SYT ngày 21/2/2020 đề nghị UBND tỉnh ban hành văn bản gửi Bộ Y tế thanh toán cho phí xét nghiệm gan đối với người bệnh có chỉ định phẫu thuật, thủ thuật.

2.3. Đối với các kiến nghị khác với Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình, Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên, Bệnh viện khoa huyện Xín Mần, Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Quang: các đơn vị trên chưa báo cáo thực hiện phần kiến nghị chấn chỉnh công tác tổ chức thực hiện.

III. Kiến nghị kiểm toán chuyên đề về việc quản lý, sử dụng tiền sử dụng đất giai đoạn 2014-2018

1. Kiến nghị xử lý tài chính

- Tổng số kiến nghị (gồm thu hồi nộp NSNN; giảm cấp phát, thanh toán; điều chỉnh giảm giá trị HĐ, dự toán; và xử lý tài chính khác) 2.707.837.095 đồng;

- Số đã thực hiện: 2.043.276.095 đồng = 75,5% kiến nghị.

- Số chưa thực hiện: 664.560.387 đồng, gồm:

+ Các công trình do huyện Bắc Quang làm chủ đầu tư: 102.671.773 đồng.

+ Các công trình do huyện Mèo Vạc làm chủ đầu tư: 37.571.118 đồng;

+ Các công trình do TP Hà Giang làm chủ đầu tư: 30.777.109 đồng.

+ Các công trình do huyện Xín Mần làm chủ đầu tư: 124.286.180 đồng.

+ Các công trình do huyện Quang Bình làm chủ đầu tư: 373.254.247 đồng.

2. Đối với các tồn tại tại Quỹ Đầu tư phát triển đất

a) Số vốn ứng chưa thu hồi

- Tổng số vốn ứng tại Quỹ Phát triển đất chưa thu hồi tại thời điểm kiểm toán là 23.550 triệu đồng (chưa tính lãi và phí ứng vốn tương ứng là 3.818 triệu đồng theo Hợp đồng đã ký kết).

- Số vốn ứng Quỹ đã thu hồi: 20.241,77 triệu đồng.

- Số còn lại chưa thu hồi: 3.308,23 triệu đồng (của 03 dự án, UBND tỉnh đã có Quyết định 420/QĐ-UBND ngày 20/3/2020 bố trí kế hoạch cho các dự án này để hoàn trả vốn ứng cho Quỹ ĐTPT, Quỹ chưa thực hiện xong các thủ tục thu hồi).

b) Về số phí ứng vốn và phí phạt chậm trả của các chủ đầu tư, Quỹ Đầu tư phát triển đã xác định là 7.381,23 triệu đồng, các chủ đầu tư không có khả năng trả do các dự án đều thuộc dự án đầu tư công, chủ đầu tư là cơ quan Nhà nước.

UBND tỉnh đã ban hành văn bản số 3468/UBND-KTTH ngày 30/10/2019 giao cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh và các Ban quản lý hoàn thiện thủ tục hồ sơ, xem xét miễn thu các khoản phí ứng vốn và phí ứng vốn quá hạn cho các Ban quản lý.

3. Chấn chỉnh công tác tổ chức thực hiện tại tỉnh

Sở Xây dựng đã nghiêm túc chấn chỉnh và rút kinh nghiệm đối với tập thể, cá nhân tham mưu cấp giấy phép xây dựng khu dân cư đô thị mới Phương Thiện chưa phù hợp, chỉ căn cứ vào bản đồ khu đất Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Thanh Hà đã nhận chuyển nhượng.

4. Chấn chỉnh công tác tổ chức thực hiện tại các huyện

- UBND huyện Mèo Vạc và UBND huyện Xín Mần đã tổ chức chấn chỉnh, rút kinh nghiệm và thực hiện bố trí đủ 10% số thu tiền sử dụng đất để thực hiện công tác đo đạc bản đồ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo

quy định tại Quyết định số 513/QĐ-TTg; Quyết định số 874/QĐ-TTg. Các huyện còn lại (Quang Bình, Đồng Văn) chưa báo cáo thực hiện nội dung này.

- UBND huyện Mèo Vạc và UBND huyện Xín Mần đã chấn chỉnh, rút kinh nghiệm trong việc còn để phát sinh nợ đọng cơ bản, bố trí vốn cho các dự án hoàn thành còn nợ đọng XDCB, bố trí vốn cho các dự án theo kế hoạch và tiến độ thực hiện nhằm tránh phát sinh nợ đọng XDCB và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Các huyện còn lại (Đồng Văn, Bắc Quang, Quang Bình) chưa báo cáo thực hiện nội dung này.

- UBND huyện Xín Mần đã chấn chỉnh về công tác lập, phê duyệt thiết kế, dự toán; công tác lập báo cáo quyết toán dự án hoàn thành; công tác phê duyệt quy trình bảo trì công trình theo quy định của pháp luật về đầu tư và xây dựng. Các huyện còn lại (Bắc Quang, Quang Bình, Đồng Văn, Mèo Vạc) chưa báo cáo thực hiện nội dung này.

- UBND huyện Xín Mần đã tổ chức rút kinh nghiệm trong việc phân bổ từ nguồn thu sử dụng đất hỗ trợ cho các đơn vị ngoài nhiệm vụ, thực hiện việc phân bổ cho các xã nguồn thu tiền sử dụng đất phát sinh trên địa bàn các xã để thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM. Các huyện còn lại (Quang Bình, Bắc Quang) chưa báo cáo thực hiện nội dung này.

- UBND thành phố Hà Giang đã ban hành văn bản 46/UBND-TCKH ngày 09/01/2020 về việc chấn chỉnh thực hiện các kiến nghị của KTNN khu vực VII yêu cầu các đơn vị nghiêm túc rút kinh nghiệm và khắc phục các tồn tại theo kiến nghị của KTNN; UBND huyện Đồng Văn đã ban hành văn bản số 2730/UBND-KTTH ngày 05/11/2019 về việc chấn chỉnh công tác quản lý tài chính ngân sách sau kiểm toán NSNN năm 2019.

(Chi tiết theo biểu đính kèm)

Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- KTNN khu vực VII;
- Chủ tịch, PCT TTr. UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lưu VT, CVKTTH. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Sơn

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾT LUẬN KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NĂM 2019 (NIÊN ĐỘ 2018) CỦA KTTN KHU VỰC VII

(Kèm theo Báo cáo số: 157/BC-UBND, ngày 20 tháng 4 năm 2020 của UBND tỉnh Hà Giang)

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
	KIỂM TOÁN NĂM 2019	105.331.759.394	49.877.619.435		55.454.140.854	
A	KIỂM TOÁN NSNN NIÊN ĐỘ 2018	95.319.462.799	40.529.883.227		54.789.580.467	
I	Kiến nghị tăng thu ngân sách, giảm nộp thừa NSNN về thuế, phí	40.614.110.935	529.339.062		40.084.771.873	
1	Các đơn vị do VP Cục thuế quản lý	39.395.991.618	495.514.353		38.900.477.265	
1.1	Công ty TNHH ĐTXD và PTTH Sơn Vũ	23.483.636	23.483.636	Đã hướng dẫn các đơn vị điều chỉnh giảm số thuế GTGT được khấu trừ	0	
1.2	Công ty CP giao thông XD số 1	472.030.717	472.030.717		0	
1.3	Công ty CP cơ khí và KTKS Hà Giang	38.900.477.265			38.900.477.265	Không có biên bản kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa tổ kiểm toán và Công ty CP phần cơ khí và KTKS Hà Giang
2	Đơn vị do CCT TP. Hà Giang quản lý	244.382.608	0		244.382.608	
2.1	Công ty TNHH 868	24.504.267			24.504.267	
2.2	Công ty TNHH SXTM Đông Á	33.982.003			33.982.003	
2.3	Công ty TNHH MTV Tín Phát	17.933.818			17.933.818	
2.4	Công ty TNHH Bảo Anh	28.298.987			28.298.987	
2.5	Công ty CP tư vấn thiết kế và XD Miền Bắc	88.321.776			88.321.776	
2.6	Công ty CP Kiến Trúc Việt	41.820.257			41.820.257	
2.7	Công ty TNHH Nội Thất Việt	9.521.500			9.521.500	
3	Các ĐV CCT huyện Bắc Quang QL	172.606.413	0		172.606.413	
3.1	Coong ty TNHH Kỳ Nam	52.157.781			52.157.781	
3.2	Công ty TNHH Thuận Linh HD	30.318.232			30.318.232	
3.3	Công ty TNHH MTV Mai Nhung	15.113.582			15.113.582	
3.4	Công ty TNHH MTV Việt An	75.016.818			75.016.818	
4	Các ĐV CCT huyện Quang Bình QL	258.763.107	0		258.763.107	
4.1	Công ty TNHH MTV Đầu tư Thành Đạt	235.799.461			235.799.461	
4.1	Hợp tác xã Hướng Dung	22.963.646			22.963.646	
5	Các đơn vị do CCT huyện Xín Mần QL	166.637.746	1 0		166.637.746	

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
5.1.	Công ty TNHH 5999	132.368.414			132.368.414	
5.2	Công ty CPTM Hải Đoàn	2.226.773			2.226.773	
5.3	Công ty CP Phát triển Xín Mần	32.042.559			32.042.559	
6	Các đơn vị do CCT huyện Mèo Vạc QL	67.902.741	0		67.902.741	
6.1	Công ty TNHH MTV Yển Nhi	20.011.245			20.011.245	
6.2	Công ty TNHH MTV Hương Lan	47.891.496			47.891.496	
7	Đơn vị sự nghiệp và dự toán	55.493.993	0		55.493.993	
7.1	Sở Giáo dục và Đào tạo	35.800.000			35.800.000	
7.2	Trường CD Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh	19.693.993			19.693.993	
8	Chuyên đề cơ chế tự chủ bệnh viện công lập	252.332.709	33.824.709		218.508.000	
8.1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quang	33.824.709	33.824.709	GNT số 5718706; 5718757 ngày 08/10/2019	0	
8.2	Bệnh viện đa khoa huyện Quang Bình	112.000.000			112.000.000	
8.3	Bệnh viện đa khoa huyện Vị Xuyên	99.800.000			99.800.000	
8.4	Bệnh viện đa khoa huyện Mèo Vạc	6.708.000			6.708.000	
II	Thu hồi và giảm chi	27.276.892.568	26.545.523.939		731.368.629	
1	Chi sai nộp NSNN: huyện Mèo Vạc	2.008.000	2.008.000	GNT 01 ngày 30/12/2019	0	
2	Kinh phí thừa hết nhiệm vụ chi	1.358.558.629	627.190.000		731.368.629	
2.1	Huyện Mèo Vạc: Nộp trả NS tỉnh	256.600.000	256.600.000	GNT 01 ngày 27/11/2019	0	
2.2	Huyện Xín Mần	731.368.629	0		731.368.629	
	+ Nộp trả ngân sách tỉnh	389.797.276			389.797.276	
	+ Nộp trả ngân sách huyện	341.571.353			341.571.353	
2.3	Huyện Quang Bình	303.290.000	303.290.000		0	
	+ Nộp trả ngân sách tỉnh	48.280.000	48.280.000	3193/QĐ-UBND huyện Quang Bình; 31/12/2019	0	
	+ Nộp trả ngân sách huyện	255.010.000	255.010.000	GNT 01 ngày 31/01/2020 của UBND xã Xuân Giang, Xuân Minh, Bằng Lang	0	
2.4	Huyện Bắc Quang : Nộp trả NS huyện	67.300.000	67.300.000	4587/QĐ-UBND huyện Bắc Quang; 17/12/2019	0	
3	Các khoản giảm trừ	25.916.325.939	25.916.325.939		0	

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
3.1	Sở Tài chính: giảm trừ KP CCTL	8.856.000.000	8.856.000.000	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
3.2	Huyện Mèo Vạc	4.164.992.400	4.164.992.400		0	
	+ Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	904.000.000	904.000.000	2617/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
	+ Giảm trừ DT năm sau KP BS có mục tiêu	3.260.992.400	3.260.992.400	2613 và 2614/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
3.3	Huyện Đồng Văn	1.158.000.000	1.158.000.000		0	
	+ Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	437.000.000	437.000.000	2617/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
	+ Giảm trừ DT năm sau KP BS có mục tiêu	721.000.000	721.000.000	2613 và 2614/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
3.4	Huyện Xín Mần: Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	1.861.600.000	1.861.600.000	2617/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
3.5	Huyện Quang Bình	1.231.414.483	1.231.414.483		0	
	+ Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	545.059.783	545.059.783	2617/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
	+ Giảm trừ DT năm sau KP BS có mục tiêu	686.354.700	686.354.700	3208/QĐ-UBND ngày 31/12/2019; 2424 và 2426/QĐ- UBND ngày 08/10/2019 của UBND huyện Quang Bình	0	
3.6	Huyện Bắc Quang	5.903.301.000	5.903.301.000		0	
	+ Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	4.029.142.000	4.029.142.000	2617/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
	+ Giảm trừ DT năm sau KP BS có mục tiêu	1.838.159.000	1.838.159.000	2613 và 2614/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
	+ Huyện giảm trừ DT năm sau KP CCTL của đơn vị	36.000.000	36.000.000	4895/QĐ-UBND huyện Bắc Quang; 30/12/2019	0	
3.7	TP. Hà Giang: Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	1.515.404.700	1.515.404.700	2617/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
3.8	Sở Công thương: Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	42.925.865	42.925.865	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
3.9	Sở Giao thông vận tải: Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	319.601.914	319.601.914	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
3.10	Sở Văn hóa thể thao và Du lịch: Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	21.000.000	21.000.000	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
3.11	Sở Giáo dục và Đào tạo: Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	165.000.000	165.000.000	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
3.12	Sở Tài nguyên và Môi trường	268.964.000	268.964.000		0	
	+ Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	82.537.000	82.537.000	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
	+ Giảm trừ thanh toán	186.427.000	186.427.000	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
3.13	Trường CĐ Kỹ thuật và Công nghệ tỉnh HG: Giảm trừ DT năm sau KP CCTL	408.121.577	408.121.577	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
III	Thu hồi nộp NS các khoản chi sai quy định các DA đầu tư	2.808.295.609	1.520.520.334	0	1.287.776.170	
1	UBND huyện Bắc Quang	411.867.429	0		411.867.429	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi phai Na Vàng, phai Châm thôn Dung, phai Nà Thìa thôn Ca xã Vô Điểm	149.441.109			149.441.109	Chủ đầu tư đã gửi văn bản cho các đơn vị đơn đốc thực hiện, tuy nhiên đến nay chưa thực hiện
1.2	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa nước thủy lợi Khuổi Mỹ thôn Bua, xã Đồng Yên huyện Bắc Quang	2.800.718			2.800.718	
1.3	Đường từ Km238+300 QL2 vào khu vực thao trường bắn thôn Tân Tạo, xã Việt Vinh	74.919.207			74.919.207	
1.4	Trường THPT Tân Quang, HM: 02 nhà lớp học 24 phòng và sân nền, tường kè, nhà hiệu bộ và các HM phụ trợ	184.706.395			184.706.395	
2	UBND huyện Đồng Văn	123.360.362	73.411.143		49.949.219	
2.1	Nâng cấp tu sửa cột cờ quốc gia Lũng Cú	49.949.219			49.949.219	Chủ đầu tư đã đơn đốc nhưng chưa thực hiện
2.2	Hồ chứa nước sinh hoạt Phìn Xả, xã Sính Lũng	73.411.143	73.411.143	UNC số 001; 31/12/2019	0	
3	UBND huyện Mèo Vạc	170.973.410	170.973.410		0	
3.1	Kè chống sạt lở đôn trạm biên phòng, hải quan biên giới xã Thượng Phùng	33.833.636	33.833.636		0	

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
3.2	Hồ chứa nước sinh hoạt Sùng Quáng, xã Sùng Máng	116.081.774	116.081.774		0	
3.3	Đường Giàng Chu Phìn - Tia Cua Si - hạt 7 xã Xín Cái	21.058.000	21.058.000		0	
4	UBND huyện Xín Mần	815.051.244	234.441.319		580.609.925	
4.1	Kè chống sạt lở taluy khu vực cửa khẩu mốc 5 Xín Mần	297.760.120	224.609.959	UNC 20/3/2015	73.150.161	Tiếp tục đơn đốc thu hồi số còn lại
4.2	Trường THPT xã Nà Chì, HM: san ủi + đèn bù GPMB + kè đá, bổ sung san nền kè bê tông, rãnh thoát nước	9.831.360	9.831.360	Quyết toán A-B điều chỉnh	0	
4.3	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng nguy cơ thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn tại các xã Bản Ngò, Pà Vây Sủ, Thèn Phàng	507.459.764			507.459.764	Đã đơn đốc nhà thầu nhưng chưa thực hiện
5	UBND huyện Quang Bình	773.803.290	773.177.000		627.185	
5.1	Cải tạo nâng cấp đường giao thông liên xã Xuân Minh, huyện Quang Bình - xã Thông Nguyên, huyện Hoàng Su Phì	504.193.185	503.566.000	Giấy rút vốn ĐT 123 - 08/01/2020; UNC 03- 24/02/2020; UNC 05- 04/3/2020; UNC 04 - 04/3/2020	627.185	Tiếp tục đơn đốc thu hồi số còn lại
5.2	Cải tạo, nâng cấp, mở mới, bê tông hóa tuyến đường liên xã từ trung tâm xã Hương Sơn, huyện Quang Bình đi xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	10.000.000	10.000.000		0	
5.3	Đoạn 12 đường nội huyện Quang Bình (đoạn đến QL 279 đến D13 theo quy hoạch)	259.610.105	259.611.000	UNC số 02; 24/02/2020; Giấy rút vốn ĐT số 01/28/12/2019	0	
6	BQLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	268.517.462	268.517.462		0	
6.1	Kè chống sạt lở Trung tâm xã Tiên Nguyên	268.517.462	268.517.462	GNT vốn ĐT 06-24/12/2019; 08- 16/01/2020	0	
7	BQLDA ĐTXD CT dân dụng & CN	244.722.412	0		244.722.412	
7.1	ĐTXD công trình thủy lợi (DA DDT04) thuộc đề án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê	105.523.895			105.523.895	Đang đơn đốc các đơn vị

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
7.2	ĐT XD CSHT giai đoạn 1 (DA03) thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê	93.821.445			93.821.445	thực hiện thu hồi, đến nay chưa thực hiện
7.3	DA Cầu treo qua Sông Gâm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê	45.377.072			45.377.072	
IV	Giảm thanh toán các DA đầu tư	13.963.487.425	8.402.728.818		5.560.758.607	
1	UBND huyện Bắc Quang	864.078.933	0		864.078.933	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi phai Na Vàng, phai Châm thôn Dung, phai Nà Thìa thôn Ca xã Vô Điểm	99.394			99.394	Chủ đầu tư đang thực hiện lập hồ sơ đề nghị phê duyệt điều chỉnh giá trị QT theo KTNN
1.2	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn hồ chứa nước thủy lợi Khuổi Mỹ thôn Bư, xã Đồng Yên	211.847.470			211.847.470	
1.3	Đường từ Km238+300 QL2 vào khu vực thao trường bản thôn Tân Tạo, xã Việt Vinh	245.572			245.572	
1.4	Trường THPT Tân Quang, HM: 02 nhà lớp học 24 phòng và sân nền, tường kẻ, nhà hiệu bộ và các HM phụ trợ	2.342			2.342	
1.5	Đường Đồng Tâm - Tân Quang	651.884.155			651.884.155	
2	UBND huyện Đồng Văn	1.314.695.622	1.314.695.622		0	
1.1	Nâng cấp tu sửa cột cờ quốc gia Lũng Cú	672.275.089	672.275.089	Đã giảm trừ QT A-B	0	
1.2	Nâng cấp đường từ cột cờ quốc gia Lũng Cú ra đất mũi thôn Sáo Lũng xã Lũng Cú	571.586.159	571.586.159	Đã giảm trừ QT A-B	0	
1.3	Bảo tàng không gian văn hóa các dân tộc vùng cao nguyên đá Đồng Văn	70.834.374	70.834.374	Đã giảm trừ QT A-B	0	
3	UBND huyện Mèo Vạc	732.711.760	732.711.760		0	
3.1	Kè chống sạt lở đôn trạm biên phòng, hải quan biên giới xã Thượng Phùng	466.092.760	466.092.760		0	
3.2	Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi	191.384.000	191.384.000		0	
3.3	Đường Giàng Chu Phìn - Tia Cua Si - hạt 7 xã Xín Cái	75.235.000	75.235.000		0	
4	UBND huyện Xín Mần	4.395.606.129	1.590.385.102		2.805.221.027	



STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
4.1	Trường THCS xã Nà Chì, HM: nhà đa năng + các HM phụ trợ	2.668.361.122			2.668.361.122	Đang lập hồ sơ quyết toán điều chỉnh và thực hiện điều chỉnh phụ lục hợp đồng giảm theo KTNN
4.2	Trường THPT xã Nà Chì, HM: san ủi + đèn bù GPMB + kè đá, bổ sung san nền kè bê tông, rãnh thoát nước	551	551	Quyết toán A-B điều chỉnh	0	
4.3	Nâng cấp đường Cốc Rế - Tá Nhù - Chế Là - Nấm Dần và đường vào UBND xã Thu Tà	1.590.384.551	1.590.384.551	BC thẩm tra 83/17/3/2020	0	
4.4	Bố trí, sắp xếp dân cư vùng nguy cơ thiên tai và vùng đặc biệt khó khăn tại các xã Bản Ngò, Pà Vây Sù, Thèn Phàng	136.859.905			136.859.905	Đang lập hồ sơ quyết toán điều chỉnh và thực hiện điều chỉnh phụ lục hợp đồng giảm theo KTNN
5	UBND huyện Quang Bình	2.178.003.613	2.178.003.613		0	
5.1	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Xuân Minh, huyện Quang Bình, xã Thông Nguyên	6.097.712	6.097.712	Phụ lục hợp đồng	0	
5.2	Cải tạo, nâng cấp, mở mới, bê tông hóa tuyến đường liên xã từ trung tâm xã Hương Sơn, huyện Quang Bình đi xã Việt Hồng, huyện Bắc Quang	683.288.577	683.288.577	Phụ lục hợp đồng	0	
5.3	Đoạn 12 đường nội huyện Quang Bình (đoạn đến QL 279 đến D13 theo quy hoạch)	19.565.718	19.565.718	Phụ lục hợp đồng	0	
5.4	Trung tâm hội nghị huyện Quang Bình	93.264.979	93.264.979	Phụ lục hợp đồng	0	
5.5	Di chuyển dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ lũ ống, lũ quét xã Tân Trịnh	792.906.148	792.906.148	Phụ lục hợp đồng	0	
5.6	Nâng cấp, cải tạo bãi xử lý rác thải trung tâm huyện Quang Bình	582.880.479	582.880.479	Phụ lục hợp đồng	0	
6	UBND thành phố Hà Giang	1.498.328.828	1.498.328.828		0	
6.1	ĐA kè bê tông suối Thác Ngoan - xã Phương Thiện	222.843.495	222.843.495		0	
6.2	Kè chống sạt lở bờ tây sông Lô (đoạn phía sau nhà văn hóa tổ 1) phường Quang Trung	455.798.286	455.798.286		0	
6.3	Xây dựng khu xử lý chất thải rắn TP	645.158.491	645.158.491		0	

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
6.4	Hạ tầng cơ sở khu TĐC phục vụ xây dựng đường Cầu Mè - Công viên nước Hà Phương. HM: san ủi mặt bằng	174.528.556	174.528.556		0	
7	BQLDA ĐTXD CT Nông nghiệp và PTNT	910.943.866	910.943.866		0	
7.1	Thủy lợi Ngọc Linh, xã Ngọc Linh, huyện Vị Xuyên	165.790.818	165.790.818	Giấy đề nghị TT ngày 08/01/2020; 14/01/2020	0	
7.2	Khắc phục bờ kè sông Lô đoạn cầu Yên Biên II đến trường CD sư phạm HG (đoạn từ cầu Yên Biên II đến cầu Trắng) và đoạn từ cầu Yên Biên I đến giáp kè của BCH Quân sự tỉnh	745.153.048	745.153.048	Đã điều chỉnh trong quyết toán A- B	0	
8	BQLDA ĐTXD CT dân dụng & CN	2.069.118.674	177.660.027		1.891.458.647	
8.1	ĐTXD công trình thủy lợi (DA DDT04) thuộc đề án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê	929.343.262			929.343.262	Đang thực hiện điều chỉnh phụ lục hợp đồng giảm theo KTNN
8.2	ĐTXD CSHT giai đoạn I (DA03) thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê	428.548.556	177.660.027	Quyết toán A-B	250.888.529	
8.3	DA Cầu treo qua Sông Gâm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê	217.548.340			217.548.340	
8.4	XD cấp bách CSHT bảo vệ biên giới tại trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	493.678.516			493.678.516	
V	Điều chỉnh giảm dự toán, giá trị hợp đồng	8.680.274.813	1.584.927.217		7.095.347.596	
1	UBND huyện Bắc Quang	1.572.891.903	681.131.528		891.760.375	
1.1	Nâng cấp, cải tạo hồ chứa thủy lợi thôn Thia, xã Vô Diêm	891.760.375			891.760.375	Đang thực hiện điều chỉnh phụ lục hợp đồng giảm theo KTNN
1.2	Đường Đồng Tâm - Tân Quang	681.131.528	681.131.528	Đã giảm trong QĐ phê duyệt điều chỉnh DT	0	
2	UBND huyện Đồng Văn: Bảo tàng không gian văn hóa các dân tộc vùng cao nguyên đá Đồng Văn	114.007.133	114.007.133 8	Đã giảm giá trúng thầu	0	



STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
3	UBND huyện Mèo Vạc	133.445.000	133.445.000		0	
3.1	Làng văn hóa du lịch cộng đồng dân tộc Mông thôn Pả Vi Hạ, xã Pả Vi	13.366.000	13.366.000		0	
3.2	Đường Giàng Chu Phìn - Tia Cua Si - hạt 7 xã Xín Cái	120.079.000	120.079.000		0	
4	UBND huyện Quang Bình	488.310.457	488.310.457		0	
4.1	Đoạn 12 đường nội huyện Quang Bình (đoạn đến QL 279 đến D13 theo quy hoạch)	148.404.868	148.404.868	Phụ lục hợp đồng	0	
4.2	Trung tâm hội nghị huyện Quang Bình	70.542.388	70.542.388	Phụ lục hợp đồng	0	
4.3	Di chuyển dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ lũ ống, lũ quét xã Tân Trịnh	94.325.722	94.325.722	Phụ lục hợp đồng	0	
4.4	Nâng cấp, cải tạo bãi xử lý rác thải trung tâm huyện Quang Bình	175.037.479	175.037.479	Phụ lục hợp đồng	0	
5	BQLDA ĐTXD CT dân dụng & CN	6.371.620.320	168.033.099		6.203.587.221	
5.1	ĐTXD CSHT giai đoạn 1 (DA03) thuộc dự án Ổn định dân cư phát triển kinh tế - xã hội vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang trên địa bàn huyện Bắc Mê	596.813.587	168.033.099		428.780.488	Đang thực hiện điều chỉnh phụ lục hợp đồng giảm theo KTNN
5.2	ĐTXD CSHT giai đoạn 2 (DA05): Nâng cấp cải tạo đường trục liên thôn Nậm Đầu - Lũng Càng - Lũng Hào xã Minh Ngọc, huyện Bắc Mê, thuộc DA Ổn định dân cư PT KH - XH vùng tái định cư thủy điện Tuyên Quang	580.331.825			580.331.825	
5.3	DA Cầu treo qua Sông Gâm đến xã Thượng Tân huyện Bắc Mê	2.118.103.799			2.118.103.799	
5.4	XD cấp bách CSHT bảo vệ biên giới tại trung tâm xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn	3.076.371.109			3.076.371.109	
VI	Kiến nghị khác	1.976.401.449	1.946.843.857		29.557.592	
1	UBND huyện Bắc Quang	1.542.111.160	1.512.553.568		29.557.592	
1.1	Nâng cấp, sửa chữa đập thủy lợi phai Na Vàng, phai Châm thôn Dung, phai Nà Thìa thôn Ca xã Vô Điểm	29.557.592			29.557.592	Đang đối chiếu thanh toán với Kho bạc NN để lập hồ sơ đề nghị điều chỉnh giá trị quyết toán theo KTNN

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
1.2	Đường Đồng Tâm - Tân Quang	1.512.553.568	1.512.553.568		0	
2	UBND huyện Xín Mần	434.290.289	434.290.289		0	
2.1	Kè chống sạt lở taluy khu vực cửa khẩu mốc 5 Xín Mần	224.609.959	224.609.959		0	
2.2	Trường THPT xã Nà Chì, HM: san ủi + đèn bù GPMB + kè đá, bổ sung san nền kè bê tông, rãnh thoát nước	209.680.330	209.680.330		0	
B	KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ Y TẾ GIAI ĐOẠN 2016 - 2018	7.304.459.500	7.304.459.500		0	
1	Huyện Mèo Vạc: Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của Bệnh viện đa khoa huyện	171.459.500	171.459.500	2296/QĐ-UBND huyện Mèo Vạc; 21/11/2019	0	
2	Huyện Đồng Văn: Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của Bệnh viện đa khoa huyện	210.000.000	210.000.000		0	
3	Huyện Xín Mần: Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của Bệnh viện đa khoa huyện	820.400.000	820.400.000	4311/QĐ-UBND huyện Xín Mần; 27/12/2019	0	
4	Huyện Quang Bình: Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của Bệnh viện đa khoa huyện	986.800.000	986.800.000	3209/QĐ-UBND huyện Quang Bình; 31/12/2019	0	
5	Huyện Bắc Quang: Giảm trừ DT năm sau KP NSNN hỗ trợ tiền lương đã kết cấu trong giá dịch vụ còn dư của Bệnh viện đa khoa huyện	1.378.000.000	1.378.000.000	5190/QĐ-UBND huyện Bắc Quang; 26/2/2020	0	
6	Bệnh viện đa khoa tỉnh	704.000.000	704.000.000	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
7	Bệnh viện đa khoa Nà Chì (Xín Mần)	486.800.000	486.800.000	37/QĐ-UBND huyện Xín Mần; 10/01/2020	0	
8	Bệnh viện đa khoa Vị Xuyên	818.000.000	818.000.000 10	23/QĐ-UBND huyện Vị Xuyên; 06/01/2020	0	

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
9	Bệnh viện lao và phổi	328.000.000	328.000.000	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
10	Bệnh viện đa khoa huyện Bắc Mê	202.000.000	202.000.000	2819/QĐ-UBND huyện Bắc Mê; 31/12/2019	0	
11	Bệnh viện đa khoa huyện Quản Bạ	199.000.000	199.000.000	2078/QĐ-UBND huyện	0	
12	Bệnh viện đa khoa huyện Yên Minh	765.000.000	765.000.000	241/QĐ-UBND huyện Yên Minh; 09/3/2020	0	
13	Bệnh viện y dược cổ truyền	235.000.000	235.000.000	2613/QĐ-UBND tỉnh; 25/12/2019	0	
C	KIỂM TOÁN CHUYÊN ĐỀ VỀ VIỆC QL, SD TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT GIAI ĐOẠN 2014 - 2018	2.707.837.095	2.043.276.708		664.560.387	
I	Thu hồi nộp NSNN	241.520.063	154.866.527		86.653.536	
1	Huyện Đồng Văn	62.207.910	62.207.910		0	
2	Huyện Mèo Vạc	91.847.125	91.847.125	GNT ngày 27/2/2020 của BQL DA ĐTXD Mèo Vạc	0	
3	Huyện Bắc Quang	86.653.536			86.653.536	Chủ đầu tư đã gửi văn bản cho các đơn vị đơn đốc thực hiện, tuy nhiên đến nay chưa thực hiện
4	Huyện Quang Bình	811.492	811.492		0	
II	Giảm cấp phát, thanh toán	860.466.386	780.099.922		80.366.464	
1	Huyện Đồng Văn	573.609.973	573.609.973		0	
2	Huyện Mèo Vạc	141.692.873	108.121.755	18/PLHDD-XD; 18a/PLHĐ-KSTK; 16/PLHĐ-XD; 11/PLHĐ-XD; 16a/PLHĐ-XD	33.571.118	
3	Huyện Bắc Quang	16.018.237			16.018.237	Chủ đầu tư đang thực hiện trình phê duyệt DC giá trị QT
4	TP. Hà Giang	129.145.303	98.368.194	BC 17/BC-STC; 20/01/2020; BC 53/BC-STC; 26/2/2020 của Sở Tài chính	30.777.109	Sẽ giảm trừ khi thanh toán chi phí xây lắp cho nhà thầu
III	ĐC giảm giá trị hợp đồng, dự toán	640.203.303	551.182.285		89.021.018	
1	Huyện Đồng Văn	59.601.305	59.601.305		0	

STT	Nội dung	Số kiến nghị kiểm toán	Đã thực hiện	Số CT thực hiện	Còn lại chưa thực hiện	Nguyên nhân chưa thực hiện
2	Huyện Bắc Quang	58.998.869	58.998.869		0	
3	Huyện Quang Bình	405.096.111	405.096.111		0	
4	Huyện Xín Mần	116.507.018	27.486.000	4018/QĐ-UBND huyện Xín Mần; 27/11/2019	89.021.018	Công trình chưa nghiệm thu và quyết toán
IV	Xử lý tài chính khác	965.647.343	557.127.974		408.519.369	
1	Huyện Bắc Quang: Sửa chữa thủy lợi thôn Thượng xã Bằng Hành	557.127.974	557.127.974	3526/QĐ-UBND huyện Bắc Quang; 19/9/2019	0	
2	Huyện Quang Bình	373.254.247	0		373.254.247	
2.1	Hạt bảo vệ và phòng chống, chữa cháy rừng cấp bách huyện Quang Bình (HM: kè, cống, hàng rào, sân bê tông, nhà kho và một số HM phụ trợ khác)	123.242.454			123.242.454	Đang thực hiện điều chỉnh phụ lục hợp đồng giảm theo KTNN
2.2	San ủi mặt bằng khu dân cư bóm trực 12	40.423.881			40.423.881	
2.3	San ủi mặt bằng khu dân cư bóm trực 1 nối QL 279 đến D6	42.725.271			42.725.271	
2.4	Đường GT, cải tạo hang đá phục vụ chiến đấu khu vực phòng thủ	166.862.641			166.862.641	
3	Huyện Xín Mần	35.265.122	0		35.265.122	
3.1	SC nhà làm việc các ban Đảng Huyện ủy (HM: SC nhà làm việc + các HM phụ trợ)	8.176.246			8.176.246	Công trình chưa hoàn thành quyết toán. Đang hoàn thiện hồ sơ giám trừ trong QTA-B
3.2	NC, cải tạo đường tỉnh lộ 177-178 khu vực trung tâm huyện (giai đoạn 1)	19.760.781			19.760.781	
3.3	NC, cải tạo trụ sở Hội người cao tuổi thành nhà trung bày và giới thiệu sản phẩm du lịch	7.328.095			7.328.095	